

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2021
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Chi E, sinh năm 1999; Địa chỉ: Ấp H, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Minh D, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp T, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả kiểm tra tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Chi E trình bày: Hôn nhân giữa chị Chi E và anh D thông qua mai mối được cha mẹ đồng ý, tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 160/2017 ngày 22/9/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Khoảng tháng 02/2021 anh D bỏ gia đình về sống chung với cha mẹ ruột, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Chi E yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Chi E và anh D có 01 (một) con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2018. Hiện cháu T đang sống với chị Chi E, sau khi ly hôn chị Chi E yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thanh T và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 01/7/2021, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành lập biên bản ghi lời khai anh Trần Minh D qua điện thoại, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị M (mẹ ruột anh D) và đại diện Ban ấp V, xã P, anh Trần Minh D trình bày: Anh D có hay biết việc chị Chi E yêu cầu ly hôn với anh D do mẹ ruột anh D là bà Nguyễn Thị M có điện thoại cho anh D biết, nhưng do anh D đi làm xa ở tỉnh Bạc Liêu và tình hình dịch bệnh thực hiện giãn cách xã hội nên anh D không thể về theo thông báo triệu tập của Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Chi E và anh D thông qua mai mối được cha mẹ đồng ý, tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 160/2017 ngày 22/9/2017. Chị Chi E có nợ nần nên anh D đi làm trả nợ, nay cũng đã trả hết nợ, chị Chi E yêu cầu ly hôn với anh D, anh D đồng ý ly hôn với chị Chi E.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Chi E và anh D có 01 (một) con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2018. Hiện cháu T đang sống với chị Chi E. Anh D đồng ý giao cháu T cho chị Chi E tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh D vắng mặt, chị Chi E có đơn vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh D.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công an xã P, thị xã T; Biên bản xác minh Ban ấp V, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị M (mẹ ruột anh D). Cụ thể:

Toà án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành xác minh tình trạng cư trú của anh Trần Minh D tại Công an xã P, được biết: Anh Trần Minh D, sinh năm 1995 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp T, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện nay, anh D chưa cắt, chuyển hộ khẩu đi nơi khác, anh D đang đi làm ở tỉnh Bạc Liêu nên không có mặt tại địa phương do tình hình dịch bệnh giãn cách xã hội nên anh D không về được, không thuộc trường hợp bỏ địa phương đi nơi khác.

Toà án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành xác minh tại Ban ấp V, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang, được biết: Anh Trần Minh D, sinh năm 1995 có sinh sống tại ấp T, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang nhưng anh D không thường xuyên sinh sống tại địa phương khoảng 3-4 năm nay nên Ban ấp không biết về tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị Chi E.

Toà án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành lấy lời khai bà Nguyễn Thị M (mẹ ruột của anh D), trình bày: Hôn nhân giữa Chi E và Minh D do mai mối, được gia đình hai bên chấp nhận tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã T, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng Chi E và Minh D sinh sống tại nhà bà M một thời gian, sau đó vợ chồng Chi E và Minh D cùng nhau đi làm và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2018 được khoảng 3-4 tháng thì Chi E về nhà mẹ ruột của chị Chi E, còn Minh D vẫn còn sinh sống tại Sài Gòn, sau đó Minh D về quê buôn bán bánh cam và sinh sống tại nhà mẹ ruột chị Chi E tại ấp H, xã A, thị xã T. Đến khoảng tháng 02/2021, Chi E gây nợ nần nên Minh D đi làm ở tỉnh Bạc Liêu để trả nợ, còn Chi E làm gì thì bà M không biết. Minh D và Chi E có 01 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2018. Hiện cháu T đang sống cùng Chi E.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn vắng mặt, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả thẩm tra hồ sơ vụ án tại phiên tòa: Hôn nhân giữa chị Chi E và anh D thông qua mai mối được cha mẹ đồng ý, tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 160/2017 ngày 22/9/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Chi E yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh D là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Chi E và anh D có 01 (một) con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2018. Hiện cháu T đang sống với chị Chi E, sau khi ly hôn chị Chi E yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu

Trần Thị Thanh T và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D đồng ý giao con chung cho chị Chi E nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Chi E được ly hôn anh Trần Minh D.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Chi E được nuôi dạy cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2018. Anh Trần Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Chi E không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Chi E phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

****Về tố tụng:***

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Chi E khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh D. Anh D có Địa chỉ: Ấp T, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Minh D được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nguyên đơn, chị Chi E có đơn xin vắng mặt lý do dịch bệnh Covis – 19 giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15 và 16 nên không tham dự phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**** Về nội dung:***

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Chi E và anh D thông qua mai mối được cha mẹ đồng ý, tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 160/2017 ngày 22/9/2017. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Chi E yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh D.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị Chi E và anh D hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh D vắng mặt và có ý kiến chấp nhận ly hôn với chị Chi E. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị Chi E và anh D đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị Chi E ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Chị Chi E và anh D có 01 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2018. Hiện cháu T đang sống với chị Chi E. Khi ly hôn, chị Chi E yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị Thanh T, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, anh D đồng ý giao con cho chị Chi E nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, chị Chi E yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2018, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Chi E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Minh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chi E khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến, nếu sau này giữa chị Chi E và anh D có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Chi E phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh Trần Minh D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Chi E.

Chị Nguyễn Thị Chi E được ly hôn với anh Trần Minh D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 160/2017 ngày 22/9/2017 do Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Chi E và anh Trần Minh D không còn giá trị pháp lý

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Chi E được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 31/7/2018 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Anh Trần Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Chi E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Minh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Chi E phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0002556 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị Chi E đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Minh D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Chi E và anh Trần Minh D là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu;
- TAND tỉnh An Giang;
- CC.THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã P, thị xã T, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm